



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 36
8. Phụ lục	37 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Điện nước An Giang thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600249791, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại : (0296) 3.856.100

Fax : (0296) 3.857.800

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên

Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành

Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân

Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu

Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú

Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn

Xí nghiệp Điện nước Tp. Châu Đốc

Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn

Xí nghiệp Cấp nước Tp. Long Xuyên

Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới

Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú

Xí nghiệp Xây lắp Điện nước

Địa chỉ

Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang

Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Áp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang

Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang

Áp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang

Áp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang

01 Quang Trung – phường Châu Phú A – Tp. Châu Đốc – tỉnh An Giang

Áp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang

31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – Tp. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Áp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang

Áp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang

Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – Tp. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;

- Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất phân phối nước sạch; khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng đường dây điện; xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt đường dây trung thế từ 15 – 35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15 - 3.000 KVA; lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; lắp đặt điện trong nhà;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng khách sạn; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí; kinh doanh các khu vui chơi giải trí; đầu tư xây dựng nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Phúc Nhuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thành Bửu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị ✓



Lương Văn Bạ
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Số: 4.0178/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Cần Thơ, ngày 13 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.758.264.163	272.041.370.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.590.785.950	14.620.663.531
1. Tiền	111		14.554.265.402	4.620.663.531
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.036.520.548	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.276.889.747	51.204.320.388
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	53.276.889.747	51.204.320.388
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.621.821.167	144.639.303.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	156.798.453.080	138.215.512.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	497.266.000	71.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.287.961.314	6.314.149.533
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	38.140.773	38.140.773
IV. Hàng tồn kho	140		49.287.647.019	50.123.423.702
1. Hàng tồn kho	141	V.7	49.287.647.019	50.123.423.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.981.120.280	11.453.660.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	23.436.028.692	11.238.959.989
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.606.500	214.700.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.523.485.088	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.201.065.997.896	2.037.889.981.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		94.298.162.825	111.866.271.672
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	150.000.000
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	94.298.162.825	111.716.271.672
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		801.279.206.591	805.096.195.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	780.039.830.360	783.716.616.782
- Nguyên giá	222		1.390.919.798.687	1.351.225.819.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(610.879.968.327)	(567.509.202.325)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.239.376.231	21.379.578.591
- Nguyên giá	228		22.115.185.591	22.115.185.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(875.809.360)	(735.607.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.230.204.076.393	1.052.575.501.507
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.230.204.076.393	1.052.575.501.507
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.084.040.000	1.495.367.546
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	1.411.327.546
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73.200.512.087	66.856.645.598
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	73.200.512.087	66.856.645.598
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.517.824.262.059	2.309.931.352.420

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		678.839.110.347	627.158.563.166
I. Nợ ngắn hạn	310		351.583.863.182	311.432.034.387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.129.237.293	14.271.380.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	22.094.423.247	12.136.609.143
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	18.964.715.512	29.222.667.431
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7.827.316.259	12.572.695.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	64.080.098.569	53.150.026.776
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	134.487.375.326	105.042.146.534
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	76.173.819.440	74.205.912.168
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.826.877.536	10.830.596.557
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		327.255.247.165	315.726.528.779
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	116.233.161.453	114.944.692.753
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	203.734.265.232	194.656.767.144
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	5.887.820.480	4.825.068.882
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	1.400.000.000	1.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

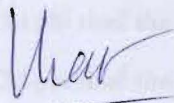
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.838.985.151.712	1.682.772.789.254
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.838.985.151.712	1.682.772.789.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	486.600.000.000	486.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.600.000.000	486.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	58.441.110.906	51.468.459.805
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	67.555.145.584	99.037.042.866
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.047.042.866	99.037.042.866
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		41.508.102.718	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.23	1.226.388.895.222	1.045.667.286.583
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.517.824.262.059	2.309.931.352.420

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018



Trần Việt Hải
Người lập



Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	762.017.959.453	680.685.021.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		762.017.959.453	680.685.021.515
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	599.565.773.711	530.777.238.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.452.185.742	149.907.782.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.793.529.165	5.802.989.128
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.558.498.963	8.323.982.792
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.558.498.963	8.323.982.792
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	59.453.072.025	52.973.139.049
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.979.187.478	22.896.167.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.254.956.441	71.517.483.219
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.047.269.625	1.540.041.417
12. Chi phí khác	32	VI.8	957.544.200	40.000.007
13. Lợi nhuận khác	40		1.089.725.425	1.500.041.410
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.344.681.866	73.017.524.629
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	14.062.386.880	14.171.061.583
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.117.887.963	489.706.947
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.164.407.023	58.356.756.099
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	996	1.199
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	996	1.199

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018


Trần Việt Hải
Người lập


Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng


Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, xã 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.344.681.866	73.017.524.629
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.1C	44.074.398.165	42.998.884.691
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.738.642.385)	(3.835.104.152)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.558.498.963	8.323.982.792
- Các khoản điều chỉnh khác	07		100.000.000	100.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		126.338.936.609	120.605.287.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.040.929.683)	57.598.805.944
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.522.304.523	1.683.800.999
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(39.828.591.824)	13.939.765.215
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(18.540.935.192)	(27.108.067.141)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.036.204.120)	(8.151.932.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(25.219.840.753)	(8.162.471.613)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		187.694.259.740	80.845.767.703
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.660.023.326)	(7.691.594.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.228.975.974	223.559.362.064
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(203.663.253.376)	(229.276.828.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.661.241.813)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.873.760.229
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.771.274	3.835.104.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(206.289.723.915)	(220.567.964.507)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

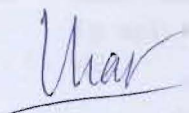
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a, b	57.819.782.970	32.015.149.862
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(46.774.377.610)	(47.595.989.270)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.535.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.030.870.360	(15.580.839.408)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.970.122.419	(12.589.441.851)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.620.663.531	19.869.505.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	24.590.785.950	7.280.064.012

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018



Trần Việt Hải
Người lập





Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng

Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Phân phối, truyền tải điện; Sản xuất phân phối nước sạch; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.344 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.333 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và vật tư sửa chữa thay thế. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được hạch toán vào chi phí.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	50.309.894	13.489.259
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.503.955.508	4.607.174.272
Các khoản tương đương tiền	10.036.520.548	10.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	10.036.520.548	10.000.000.000
Cộng	24.590.785.950	14.620.663.531

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	53.276.889.747	53.276.889.747	51.204.320.388	51.204.320.388
Tiền gửi có kỳ hạn	53.276.889.747	53.276.889.747	51.204.320.388	51.204.320.388
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	1.411.327.546	1.411.327.546
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	411.327.546	411.327.546
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	55.276.889.747	55.276.889.747	52.615.647.934	52.615.647.934

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, số 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước số 2 với số tiền là 84.040.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Phải thu tiền điện	107.897.366.941	90.546.728.646
Phải thu tiền nước	35.434.997.617	31.921.584.693
Phải thu tiền điện kế, vật tư điện	8.657.946.453	9.530.792.189
Phải thu tiền thủy kế, vật tư nước	4.770.832.669	6.180.433.768
Phải thu khác	37.309.400	35.973.480
Cộng	156.798.453.080	138.215.512.776

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Công nghệ cao Năng lượng Mặt trời G7	168.069.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Năng lượng VAS	329.197.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	71.500.000
Cộng	497.266.000	71.500.000

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Kho bạc Nhà nước An Giang - Chi phí quản lý dự án	391.970.490	-	644.886.489	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm	1.066.567.667	-	1.554.696.872	-
Phải thu người lao động - tiền thuế TNCN, BHXH, BHYT	621.753.687	-	776.379.620	-
Tạm ứng	3.524.752.484	-	3.134.272.943	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án	28.695.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	654.221.986	-	203.913.609	-
Cộng	6.287.961.314	-	6.314.149.533	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty OTV - Tiền ứng thi công	77.785.683.396	-	77.785.683.396	-
Công ty TNHH Tự Cường - Tiền ứng thi công	11.491.688	-	13.804.945.288	-
Công ty TNHH Đại Phú Thịnh - Tiền ứng thi công	10.425.679.000	-	15.436.250.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	6.075.308.741	-	4.689.392.988	-
Cộng	94.298.162.825	-	111.716.271.672	-

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho	38.140.773	38.140.773
Cộng	38.140.773	38.140.773

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	29.689.800	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.147.501.483	-	2.561.604.347	-
Công cụ, dụng cụ	269.112.134	-	220.113.507	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	199.728.920	-	314.903.752	-
Thành phẩm	20.371.075.395	-	21.026.843.573	-
Hàng hóa	22.400.072.956	-	22.287.308.679	-
Hàng gửi đi bán	3.870.466.331	-	3.712.649.844	-
Cộng	49.287.647.019	-	50.123.423.702	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	615.882.511	1.322.006.622
Chi phí vật tư sửa chữa thay thế	19.795.144.964	7.222.240.107
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.025.001.217	2.694.713.260
Cộng	23.436.028.692	11.238.959.989

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lắp đặt điện kế	36.882.645.800	35.603.881.186
Chi phí lắp đặt thủy kế	36.103.618.972	30.988.517.099
Các chi phí trả trước dài hạn khác	214.247.315	264.247.313
Cộng	73.200.512.087	66.856.645.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 94.808.522.801 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh An Giang.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.464.754.191	1.650.431.400	22.115.185.591
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	20.464.754.191	1.650.431.400	22.115.185.591
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	452.985.289	282.621.711	735.607.000
Khấu hao trong kỳ	38.184.168	102.018.192	140.202.360
Số cuối kỳ	491.169.457	384.639.903	875.809.360
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.011.768.902	1.367.809.689	21.379.578.591
Số cuối kỳ	19.973.584.734	1.265.791.497	21.239.376.231

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Châu Đốc (*)	197.041.860.098	1.872.673.327	-	198.914.533.425
Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên (**)	792.748.688.238	152.685.394.019	-	945.434.082.257
Các công trình khác	62.784.953.171	40.173.671.348	(17.103.163.808)	85.855.460.711
Cộng	1.052.575.501.507	194.731.738.694	(17.103.163.808)	1.230.204.076.393

(*) Dự án Xử lý nước thải TP. Châu Đốc:

Nguồn vốn đầu tư ban đầu:

- Theo quyết định 2509/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thì tổng mức vốn đầu tư dự án là 205.042 triệu đồng.
(trong đó Vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ Na Uy chiếm 67,2% với tổng vốn đầu tư là 137.788 triệu đồng, Vốn ngân sách Trung ương đối ứng là 67.254 triệu đồng).
- Theo quyết định 2110/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thì tăng tổng mức vốn đầu tư dự án từ 205.042 triệu đồng thành 311.095 triệu đồng.
(trong đó Vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ Na Uy chiếm 63% với tổng vốn đầu tư là 195.990 triệu đồng, Vốn ngân sách Trung ương đối ứng là 115.105 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Theo quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thì không thay đổi mức đầu tư dự án nhưng thay đổi nguồn vốn đầu tư.

(trong đó vốn ODA là 198.983 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương là 57.553 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 54.559 triệu đồng).

Hình thức quản lý dự

án:

Chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý dự án.

Thời gian thực hiện dự

án ban đầu:

Năm 2008 - 2015.

Theo quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án thì thay đổi thời gian dự án đến hết năm 2016.

Theo quyết định 962/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án thì thay đổi thời gian dự án đến hết năm 2017.

Hiệu quả về kinh tế - xã

hội:

Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Châu Đốc sẽ giảm tình trạng ngập úng trong mùa mưa, giảm bùng phát các dịch bệnh.

Do môi trường bị ô nhiễm, phát triển du lịch và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh làm tăng nguồn thu cho ngân sách.

(**) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên:

Dự kiến tổng mức đầu

tư dự án:

- Nguồn vốn đầu tư dự án 782.500 triệu đồng từ nguồn vốn ODA Hàn Quốc và 77.643 triệu đồng từ vốn đối ứng.

- Theo quyết định 230/QĐ-UBND ngày 17/2/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Dự án thì nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án được thay đổi là 943.000 triệu đồng từ nguồn vốn ODA, 200.920,5 triệu đồng từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương, 200.920,5 triệu đồng từ Ngân sách tỉnh.

Hình thức quản lý dự

án:

Chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý dự án.

Thời gian thực hiện dự

án ban đầu:

- Năm 2008 - 2012.

- Theo quyết định 230/QĐ-UBND ngày 17/2/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Dự án thì thời gian thực hiện dự án sẽ đến hết năm 2018.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.555.827.900	1.601.901.400
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Trương Nguyệt	2.643.129.000	711.639.000
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Thành Công	1.221.256.479	601.750.570
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư ThiBiDi	1.352.419.600	2.597.891.300
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Việt Hồng Hà	308.000.000	655.600.000
Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Đạt	1.168.862.000	1.806.807.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	6.879.742.314	6.295.790.934
Cộng	15.129.237.293	14.271.380.204

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Trần Văn Ích (Đặt cọc mua nền)	13.012.160.000	9.104.201.165
Trần Bích Thủy (Đặt cọc mua nền)	3.974.746.473	-
Các khách hàng khác	5.107.516.774	3.032.407.978
Cộng	22.094.423.247	12.136.609.143

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước bán cho Khu công nghiệp của huyện Châu Thành	0%
- Nước sinh hoạt	5%
- Lắp đặt, cải tạo điện kế, bán vật tư điện, ...	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.344.681.866	73.017.524.629
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	31.685.164.535	62.600.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(36.717.912.000)	(2.204.816.712)
Thu nhập chịu thuế	70.311.934.401	70.875.307.917
Thu nhập được miễn thuế	-	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	70.311.934.401	70.855.307.917
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.062.386.880	14.171.061.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong kỳ	-	(51.950.787)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.062.386.880	14.119.110.796

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 5.000 VND/m³ với thuế suất là 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	880.750.307	358.455.464
Chi phí tiền điện phải trả	63.199.348.262	52.791.571.312
Cộng	64.080.098.569	53.150.026.776

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	188.479.465	185.049.465
Kinh phí công đoàn	472.283.065	893.296.557
Bảo hiểm xã hội	2.893.971.350	1.949.147
Bảo hiểm y tế	4.821.878	4.821.878
Lãi vay phải trả	11.877.500.414	12.725.893.229
Cổ tức phải trả	73.089.789.150	114.324.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả thi công các công trình điện nước	11.466.835.832	14.773.005.354
Phải trả thi công công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên và TP. Châu Đốc	8.441.620.833	50.074.855.665
Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước ^(@)	8.966.000.000	8.966.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.086.073.339	17.302.951.089
Cộng	134.487.375.326	105.042.146.534

(@) Khoản tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước theo Công văn số 1196/STC-TCDN ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh An Giang “V/v chậm nộp tiền cổ tức phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp”.

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả Ngân sách Nhà nước	116.233.161.453	114.944.692.753
Cộng	116.233.161.453	114.944.692.753

Phải trả vốn Nhà nước cấp sau cổ phần hóa theo Công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang “V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa”.

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.759.828.798	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	9.759.828.798	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	66.413.990.642	64.205.912.168
Cộng	76.173.819.440	74.205.912.168

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 mỗi tháng, với hạn mức 10.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.000.000.000	9.759.828.798	-	(10.000.000.000)	9.759.828.798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	64.205.912.168	-	38.982.456.084	(36.774.377.610)	66.413.990.642
Cộng	74.205.912.168	9.759.828.798	38.982.456.084	(46.774.377.610)	76.173.819.440

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	203.734.265.232	194.656.767.144
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang⁽ⁱⁱ⁾</i>	106.929.995.219	89.445.041.047
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ ADB⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	41.524.993.013	44.985.409.097
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ AFD^(iv)</i>	52.920.277.000	56.562.277.000
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang^(v)</i>	1.379.000.000	2.488.040.000
<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh An Giang^(vi)</i>	980.000.000	1.176.000.000
Cộng	203.734.265.232	194.656.767.144

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của các Dự án với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn từ 48 tháng đến 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.9) và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay vốn từ ADB thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Nhà máy nước Long Xuyên với lãi suất ở mức 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 25 năm (từ năm 2000 đến năm 2025). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay vốn từ AFD thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: "Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú" với lãi suất trong hạn ở mức 0,3%/năm, lãi suất quá hạn ở mức 7,5%/năm, thời hạn vay là 180 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất của dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn An Phú.
- (v) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang để đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của dự án: "Đầu tư hệ thống điện các xã điểm thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2014 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt" với lãi suất 8,4%/năm, thời hạn 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất và không gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án.
- (vi) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh An Giang để đầu tư xây dựng 07 hạng mục hồ lắng bùn với lãi suất 3,6%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng vay vốn và không thay đổi trong suốt thời gian cho vay, thời hạn 5 năm (từ ngày 21/11/2016 đến ngày 21/11/2021). Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp. Tuy nhiên, Bên vay thống nhất giao cho Bên cho vay xử lý tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản khác trong dự án khi có rủi ro xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Từ 01 năm trở xuống	66.413.990.642
Trên 01 năm đến 05 năm	137.969.433.059
Trên 05 năm	65.764.832.173
Cộng	<u>270.148.255.874</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn Ngân hàng trong kỳ như sau:

Số đầu năm	194.656.767.144
Số tiền vay phát sinh	48.059.954.172
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(38.982.456.084)
Số cuối kỳ	<u>203.734.265.232</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác (*)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6.497.519.211	9.186.922.563	2.228.200.000	(8.476.670.495)	-	9.435.971.279
Quỹ phúc lợi	4.134.790.362	2.296.730.641	-	(1.107.429.230)	(2.122.200.000)	3.201.891.773
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	198.286.984	200.000.000	-	(209.272.500)	-	189.014.484
Cộng	<u>10.830.596.557</u>	<u>11.683.653.204</u>	<u>2.228.200.000</u>	<u>(9.793.372.225)</u>	<u>(2.122.200.000)</u>	<u>12.826.877.536</u>

(*) Điều chỉnh quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng.

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến tạm thời tính thuế thu nhập hoãn lại phải trả của khoản mục doanh thu ghi nhận trước. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.225.694.436		4.376.090.066
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.117.887.963		489.706.946
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.455.761.919)		(1.922.448.567)
Số cuối kỳ	<u>5.887.820.480</u>		<u>2.943.348.445</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.300.000.000	1.100.000.000
Trích lập quỹ trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Số cuối kỳ	1.400.000.000	1.200.000.000

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	486.600.000.000	114.478.879.711	46.412.520.032	97.952.663.793	745.444.063.536
Tăng trong kỳ trước	-	41.295.870.061	-	58.356.756.099	99.652.626.160
Trích lập quỹ trong kỳ trước	-	-	8.563.094.959	(16.926.578.820)	(8.363.483.861)
Giảm trong kỳ trước	-	(44.399.082.019)	(14.033.367.098)	-	(58.432.449.117)
Số dư cuối kỳ trước	486.600.000.000	111.375.667.753	40.942.247.893	139.382.841.072	778.300.756.718
Số dư đầu năm nay	486.600.000.000	-	51.468.459.805	99.037.042.866	637.105.502.671
Tăng trong kỳ này	-	-	6.972.651.101	60.164.407.023	67.137.058.124
Trích lập quỹ trong kỳ này	-	-	-	(18.656.304.305)	(18.656.304.305)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(72.990.000.000)	(72.990.000.000)
Số dư cuối kỳ này	486.600.000.000	-	58.441.110.906	67.555.145.584	612.596.256.490

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước	438.533.000.000	438.533.000.000
Các cổ đông khác	48.067.000.000	48.067.000.000
Cộng	486.600.000.000	486.600.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước	438.533.000.000	90,12	438.533.000.000	-
Các cổ đông khác	48.067.000.000	9,88	48.067.000.000	-
Cộng	486.600.000.000	100	486.600.000.000	-

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.660.000	48.660.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.660.000	48.660.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.660.000	48.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.660.000	48.660.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.660.000	48.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang ngày 13 tháng 6 năm 2018 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 11.483.653.204
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.972.651.101
• Thưởng Ban điều hành, quản lý	: 200.000.000
• Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước (15%/Vốn điều lệ)	: 72.990.000.000

23. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.045.667.286.583		726.068.480.456
Ngân sách Nhà nước cấp trong kỳ	-		338.953.609
Tăng trong kỳ	180.721.608.639		97.679.994.800
Giảm trong kỳ	-		(36.601.650)
Số cuối kỳ	1.226.388.895.222		824.050.827.215

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh điện	566.911.773.291		498.230.261.783
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	184.462.689.042		174.458.693.061
Doanh thu bán vật tư	5.080.136.901		4.731.532.259
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	3.811.057.662		1.662.462.279
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.752.302.557		1.602.072.133
Cộng	762.017.959.453		680.685.021.515

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh điện	467.972.613.443		416.640.299.747
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt	126.395.440.216		109.331.252.669

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư đã bán	4.355.576.674	4.060.177.304
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	842.143.378	745.508.800
Cộng	599.565.773.711	530.777.238.520
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.738.642.385	5.702.780.943
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	54.886.780	78.783.213
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	20.000.000
Doanh thu khác	-	1.424.972
Cộng	1.793.529.165	5.802.989.128
4. Chi phí tài chính		
Là chi phí lãi vay Ngân hàng.		
5. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	35.739.233.171	34.184.120.219
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.564.187.411	3.587.064.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.245.141.318	11.527.546.405
Các chi phí khác	3.904.510.125	3.674.407.958
Cộng	59.453.072.025	52.973.139.049
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.619.162.439	9.854.307.722
Chi phí vật liệu quản lý	5.814.654.870	5.984.427.643
Chi phí đồ dùng văn phòng	871.614.346	902.702.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.389.905	468.318.282
Thuế, phí và lệ phí	15.000.000	15.000.000
Chi phí trợ cấp mất việc làm	752.289.338	682.579.060
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	100.000.000	100.000.000
Các chi phí khác	4.336.076.580	4.888.831.664
Cộng	21.979.187.478	22.896.167.063
7. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê trụ	459.872.400	363.833.400

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo vệ môi trường giữ lại 5%	824.251.726	120.258.058
Thu nhập từ thu hồi hàng hóa hư hỏng	66.954.057	424.994.902
Thu nhập khác	696.191.442	630.955.057
Cộng	2.047.269.625	1.540.041.417

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp phạt	225.613.720	40.000.000
Chi phí cho hệ thống cấp nước	607.310.000	-
Chi phí khác	124.620.480	7
Cộng	957.544.200	40.000.007

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.117.887.963	489.706.947
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	1.117.887.963	489.706.947

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.164.407.023	58.356.756.099
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.483.653.204)	(8.163.483.861)
Trích thưởng Ban điều hành, quản lý	(200.000.000)	(200.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	48.480.753.819	49.993.272.238
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	48.660.000	48.660.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	996	1.027

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.187.803.743	55.903.999.694
Chi phí nhân công	78.375.556.284	75.281.193.831

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.074.398.165	42.998.884.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.072.727	1.670.661.883
Chi phí khác	10.774.053.384	9.345.818.682
Cộng	205.445.884.303	185.200.558.781

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	1.057.399.574	1.121.465.740
Phụ cấp, thù lao	22.200.000	53.000.000
Cộng	1.079.599.574	1.174.465.740

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước số 2 là công ty đầu tư góp vốn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện, cung cấp nước sinh hoạt. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán vật tư và bất động sản... doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (6 tháng đầu 2018 là 1,4% tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

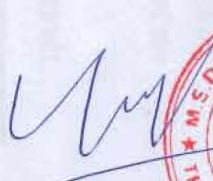
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

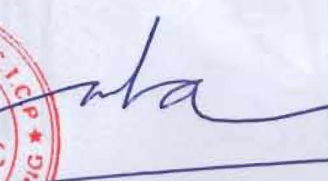
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018


Trần Việt Hải
Người lập


Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng


Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	188.304.383.877	1.159.317.964.092	1.356.521.338	2.246.949.800	1.351.225.819.107
Mua trong kỳ	141.967.273	23.698.806.142	-	-	23.840.773.415
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.478.621.976	12.624.541.832	-	-	17.103.163.808
Giảm do kết chuyển sang phụ tùng thay thế	-	(1.249.957.643)	-	-	(1.249.957.643)
Số cuối kỳ	192.924.973.126	1.194.391.354.423	1.356.521.338	2.246.949.800	1.390.919.798.687
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.988.023.744	134.633.048.261	855.000.000	485.672.727	141.961.744.732
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	76.422.011.140	488.265.206.710	1.302.110.992	1.519.873.483	567.509.202.325
Khấu hao trong kỳ	4.713.792.056	39.088.073.269	27.862.296	104.468.184	43.934.195.805
Giảm do kết chuyển sang phụ tùng thay thế	-	(563.429.803)	-	-	(563.429.803)
Số cuối kỳ	81.135.803.196	526.789.850.176	1.329.973.288	1.624.341.667	610.879.968.327
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	111.882.372.737	671.052.757.382	54.410.346	727.076.317	783.716.616.782
Số cuối kỳ	111.789.169.930	667.601.504.247	26.548.050	622.608.133	780.039.830.360
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trần Việt Hải
Người lập

Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018

Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

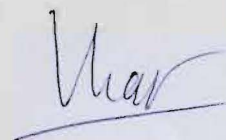
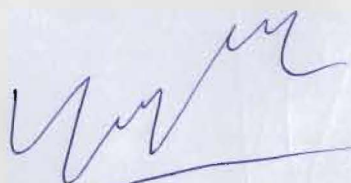
Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số điều chỉnh	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	5.071.199.754	(2.960.584.899)	(2.523.485.088) (*)	2.110.614.855	2.523.485.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.460.517.155	-	14.062.386.880	(25.219.840.753)	-	12.303.063.282	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.400.625.554	-	55.136.365	-	-	1.455.761.919	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.281.037	-	164.382.259	(143.100.611)	-	36.562.685	-
Thuế tài nguyên	1.707.644.242	-	2.655.519.290	(3.987.225.682)	-	375.937.850	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.638.599.443	-	15.595.603.624	(15.551.428.146)	-	2.682.774.921	-
Cộng	29.222.667.431	-	37.619.228.172	(47.877.180.091)	(2.523.485.088)	18.964.715.512	2.523.485.088

(*) Điều chỉnh thuế GTGT tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018


Trần Việt Hải
Người lập

Trương Văn Nghiệm
Kế toán trưởngLương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị